| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THỌ XUÂN**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 220/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 9 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Minh Tiến

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đỗ Trọng Hoành

2. Ông Lưu Minh Sửu

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Bà Trịnh Thị Lý - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1953, cư trú tại: Khu 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960, cư trú tại: Khu 3, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Th và bà T tự nguyện kết hôn, có làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T vào ngày 12/02/2007. Sau khi kết hôn ông bà cùng sinh sống tại thị trấn Lam Sơn, tuy nhiên

không ở chung nhà, mà mỗi người đều ở một nhà riêng của mình có trước khi kết hôn, thỉnh thoảng vợ chồng mới gặp nhau và do mỗi người ở một lĩnh vực công việc khác nhau, nên tình cảm vợ chồng nhạt nhẽo dần, không có tiếng nói chung và sự đồng thuận trong cuộc sống. Đến năm 2014 ông Th trở về quê tại thị trấn T, huyện Thọ Xuân sinh sống, có đề nghị bà T về sinh sống cùng, nhưng bà T từ chối, không về sinh sống cùng ông Th, mà vẫn sống tại nhà riêng ở thị trấn Lam Sơn, từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng, không còn quan tâm, qua lại hỏi han nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và công việc. Nay ông Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông Th xác định vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông Th xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án, nhưng vắng mặt, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tại biên bản xác minh ngày 23/8/2017, Ủy ban nhân dân thị trấn L cho biết: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L vào ngày 12/02/xxxx, sau khi kết hôn ông Th và bà T sinh sống tại thị trấn L; Đến năm 2014 ông Th đã chuyển khẩu về sinh sống tại thị trấn Thọ Xuân, còn bà T vẫn sinh sống tại thị trấn L. Giữa ông Th và bà T không có con chung.

Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất cho Bà Nguyễn Thị T, nhưng bà T không đến Tòa án làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc, như vậy bị đơn đã tự từ bỏ quyền, không thực hiện hết nghĩa theo vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Xử cho ông Nguyễn Văn Th được ly hôn với bà Nguyễn Thị T; Về con chung và tài sản chung: không xem xét, giải quyết; Về án phí: ông Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn Th khởi kiện đề nghị giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T, cư trú tại: thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Qúa trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc; Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn, đã được UBND thị trấn L, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/02/2007, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Th và bà T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông Th và bà T cùng sinh sống tại thị trấn L, tuy nhiên vợ chồng không ở chung nhà, mà mỗi người ở một nhà riêng, thỉnh thoảng vợ chồng mới gặp nhau, nên tình cảm vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung và sự đồng thuận trong cuộc sống. Đến năm 2014 ông Th về quê tại thị trấn Thọ Xuân sinh sống, còn bà T vẫn sinh sống tại nhà riêng ở thị trấn Lam Sơn, mầu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và công việc. Nay ông Th có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn; Qúa trình giải quyết vụ án bà T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm, cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện bà T không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chông. Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa ông Th và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của ông Th, xử cho ông Nguyễn Văn Th được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

[3] Về con chung: Ông Th xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bà T không đến Tòa án làm việc, không có lời khai, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về phần tài sản: Ông Th xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng bà T chưa có lời khai, nên chưa có cơ sở xem xét giải quyết về phần tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*1. Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th,

Ông Nguyễn Văn Th được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

*2. Về con chung:* Không xem xét, giải quyết.

*3. Về tài sản:* Không xem xét, giải quyết.

*4. Về án phí:* Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Th đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000548 ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Ông Nguyễn Văn Th đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn L;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Minh Tiến**